TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/03/2021
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thanh Thúy

2. Ông Nguyễn Thành Thái

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 03 năm 2021, tại truï sôû Toaø aùn nhaân daân huyeän Hoøn Ñaát, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc **"**Tranh chấp ly hôn**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Châu Văn H1**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp Hưng Giang, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Châu Văn H1 do mai mối nên đi đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thời gian chung sống vợ chồng chị chưa có con chung.

Về mâu thuẫn gia đình: Chị H cho rằng từ năm 2010 tình cảm vợ chồng có dấu hiệu rạn nứt, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 tính tình thay đổi, hay cáu gắt, la mắng, đánh vợ. Thời gian đầu chị cũng cố gắng nhẫn nhịn để giữ hạnh phúc gia đình nhưng về lâu dài thì không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên từ cuối năm 2010 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại huyện Tân Hiệp sinh sống đến nay.

Do cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1 để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Anh chị chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Châu Văn H1:* Mặc dù anh H1 có biết và nhận được Thông báo thụ lý vụ án và tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh H1 vẫn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung đơn xin ly hôn của chị H nên không có lời khai của anh H1 tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Châu Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H1.

2. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Châu Văn H1 kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/10/2008 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ cuối năm 2010 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định không còn tình cảm gì với anh H1 nên chị mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Chị H và anh H1 hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau trong suốt một thời gian rất dài từ cuối năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời các bên tham gia phiên hòa giải nhưng anh H1 không đến tham dự, chứng tỏ anh H1 cũng không có thiện chí muốn hòa giải với chị H nên khả năng

đoàn tụ gia đình giữa anh chị không có. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị H.

3. Về con chung: Chị H và anh H1 chưa có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị H.

5. Về án phí: Chị H pH1 chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Châu Văn H1.

2. Về con chung: Không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H pH1 chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0001400 ngày 04 tháng 12 năm 2020. Chị H không pH1 nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Châu Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Lâm;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc